TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt
2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: Ấp MD, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Ấp MD, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện vụ án hôn nhân ngày 21 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn Bà Trần Thị N (sau đây gọi tắt là Bà N) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và Ông M kết hôn với nhau vào ngày 28/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang. Vợ chồng chung sống

được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng đã ly thân đầu năm 2018 cho đến nay. Bà N yêu cầu ly hôn với Ông M.

- Về con chung: Bà N và Ông M có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Huy, sinh ngày 06/10/2013, giới tính nam, hiện con chung đang sống với Ông M. Bà N đồng ý giao con chung cho Ông M tiếp tục nuôi dưỡng, Bà N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Bà N cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Ông Nguyễn Văn M (sau đây gọi tắt là Ông M) vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), giấy khai sinh (bản sao).

Bị đơn ông Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia xét xử nhưng Ông M vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với Ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và Ông M đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà N và Ông M chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Bà N yêu cầu ly hôn với Ông M căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở.

[2] *Về con chung*: Bà N và Ông M có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Huy, sinh ngày 06/10/2013, giới tính nam, hiện con chung đang sống với Ông M. Bà N đồng ý giao con chung cho Ông M tiếp tục nuôi dưỡng, Bà N không cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung vẫn được Ông M nuôi dưỡng, chăm sóc và Bà N cũng đồng ý giao con chung cho Ông M nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử giao con cho Ông M tiếp tục nuôi dưỡng, Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Bà N cho rằng vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000929, ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho Bà Trần Thị N được ly hôn với Ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hoàng Huy, sinh ngày 06/10/2013, giới tính nam cho Ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000929, ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Trần Thị N đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh KG;*
- *VKS ND huyện UMT;*
- *Chi cục THA huyện UMT;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh